



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu -
Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thông tin về Tổng Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0300583659

ngày 29 tháng 2 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300583659 ngày 12 tháng 9 năm 2025. GCNĐKDN và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính (trước đây là là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Pramoad Phornprapha	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vỹ	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên
Bà Trần Kim Nga	Thành viên
Bà Ngô Minh Châu	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên (từ ngày 23 tháng 4 năm 2026)
Ông Lê Thanh Tuấn	Thành viên (đến ngày 23 tháng 4 năm 2026)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Tan Teck Chuan Lester	Tổng Giám đốc
Ông Johnathan Ooi Siew Loke	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 8 năm 2026)
Ông Ng Kuan Ngee Melvyn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lee Chio Lim Larry	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lim Pei Chi Patsy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lâm Du An	Phó Tổng Giám đốc
	Giám đốc Nhà máy
	Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh
Ông Koo Liang Kwee	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 7 năm 2026)

Ủy ban Kiểm toán

Ông Pramoad Phornprapha	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Vỹ	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên

**Người Đại diện theo
Pháp luật**

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Tan Teck Chuan Lester	Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh
Phường Chợ Lớn
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 78 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tan Teck Chuan Lester

Tổng Giám đốc kiêm Người Đại diện theo Pháp luật

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

204
H NI
VG
KP
PH



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 78.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-01-00424-26-2



Triệu Tích Quyền

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

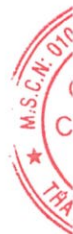
Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nelson Rodriguez Casihan

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2225-2023-007-1



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		23.511.204.659.025	22.138.596.004.955
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	3.643.082.971.964	4.016.881.626.734
Tiền	111		1.647.450.578.241	1.174.862.635.130
Các khoản tương đương tiền	112		1.995.632.393.723	2.842.018.991.604
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.085.860.180.787	15.354.783.101.257
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	123	10(a)	17.085.860.180.787	15.354.783.101.257
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		734.706.048.094	531.146.730.542
Phải thu của khách hàng	131	11	776.258.525.234	697.568.047.845
Trả trước cho người bán	132		168.526.050.700	31.630.854.564
Phải thu ngắn hạn khác	135	12(a)	362.947.069.551	375.085.846.729
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	13(a)	(573.025.597.391)	(573.138.018.596)
Hàng tồn kho	140	14(a)	1.900.425.860.420	2.027.351.808.101
Hàng tồn kho	141		1.974.662.537.322	2.109.849.713.825
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(74.236.676.902)	(82.497.905.724)
Tài sản ngắn hạn khác	160		147.129.597.760	208.432.738.321
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	20(a)	95.369.892.458	139.821.104.317
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		46.989.509.767	58.808.725.230
Thuế phải thu Nhà nước	163	24(b)	4.770.195.535	9.802.908.774

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 270)	200		8.210.832.404.538	10.458.757.618.759
Các khoản phải thu dài hạn	210		34.343.798.763	34.948.968.378
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		5.948.610.516	5.948.610.516
Phải thu dài hạn khác	215	12(b)	34.794.898.763	35.400.068.378
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216	13(b)	(6.399.710.516)	(6.399.710.516)
Tài sản cố định	220		4.573.696.878.878	5.068.260.417.283
Tài sản cố định hữu hình	221	15	3.232.312.326.705	3.492.859.442.068
Nguyên giá	222		16.017.472.280.485	16.040.238.015.148
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.785.159.953.780)	(12.547.378.573.080)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	16	143.962.029.713	146.555.811.058
Nguyên giá	225		173.582.726.065	173.582.726.065
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(29.620.696.352)	(27.026.915.007)
Tài sản cố định vô hình	227	17	1.197.422.522.460	1.428.845.164.157
Nguyên giá	228		1.494.377.571.220	1.727.503.055.751
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(296.955.048.760)	(298.657.891.594)
Bất động sản đầu tư	240	18	494.540.045.467	238.598.827.240
Nguyên giá	241		608.479.795.439	281.827.017.963
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(113.939.749.972)	(43.228.190.723)
Tài sản dở dang dài hạn	250		168.647.324.489	141.443.319.021
Xây dựng cơ bản dở dang	252	19	168.647.324.489	141.443.319.021
Đầu tư tài chính dài hạn	260		2.233.017.415.655	4.197.176.365.142
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	262	10(b)	2.227.273.226.050	2.220.382.986.537
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	263	10(b)	362.429.271.916	362.429.271.916
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	264	10(b)	(370.499.767.243)	(361.517.758.243)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	265	10(a)	13.814.684.932	1.975.881.864.932
Tài sản dài hạn khác	270		706.586.941.286	778.329.721.695
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	20(b)	519.983.446.549	552.322.849.125
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	21	153.256.542.785	191.956.412.715
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273	14(b)	33.346.951.952	34.050.459.855
TỔNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		31.722.037.063.563	32.597.353.623.714

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		10.267.199.050.347	9.597.538.547.160
Nợ ngắn hạn	310		9.568.649.310.628	8.880.281.129.189
Phải trả người bán	311	22	1.621.141.082.367	2.403.617.850.061
Người mua trả tiền trước	312		76.064.625.974	84.401.201.159
Phải trả cổ tức	313	23	3.905.544.919.503	2.611.687.360.408
Thuế phải nộp Nhà nước	314	24(a)	1.597.095.954.926	1.625.985.939.644
Phải trả người lao động	315		73.507.994.558	130.882.843.048
Chi phí phải trả	316	25	934.016.320.929	580.271.765.033
Doanh thu chờ phân bổ	319		973.090.905	546.363.639
Phải trả ngắn hạn khác	320	26(a)	968.622.405.024	943.716.569.683
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	27(a)	200.074.406.705	267.584.304.493
Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		268.529.247	268.529.247
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	28	191.339.980.490	231.318.402.774
Nợ dài hạn	330		698.549.739.719	717.257.417.971
Phải trả người bán dài hạn	331		100.000.000	100.000.000
Phải trả dài hạn khác	338	26(b)	82.376.297.787	77.161.458.669
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	27(b)	167.071.638.959	167.935.888.117
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	21	382.733.299.478	406.364.400.134
Dự phòng phải trả dài hạn	343	29	66.268.503.495	65.695.671.051

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	30	21.454.838.013.216	22.999.815.076.554
Vốn cổ phần	411	31	12.825.623.720.000	12.825.623.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.825.623.720.000	12.825.623.720.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.408.784.538	3.408.784.538
Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ	417		91.969.039.751	89.863.046.863
Quỹ đầu tư phát triển	418	33	1.186.744.293.943	1.186.744.293.943
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.458.032.640.199	7.047.144.144.801
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		3.201.480.965.303	2.792.178.669.406
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ/năm	420b		2.256.551.674.896	4.254.965.475.395
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.889.059.534.785	1.847.031.086.409
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		31.722.037.063.563	32.597.353.623.714

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập:



Hoàng Thanh Vân
Kế toán



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:  

Johnathan Ooi Siew Loke
Phó Tổng Giám đốc

Tan Teck Chuan Lester
Tổng Giám đốc kiêm
Người Đại diện theo
Pháp luật



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Doanh thu	01	35	13.552.744.562.240	12.766.833.361.855
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	35	207.532.431.213	151.770.406.028
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	35	13.345.212.131.027	12.615.062.955.827
Giá vốn hàng bán	11	36	8.276.871.192.082	8.294.933.362.946
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		5.068.340.938.945	4.320.129.592.881
Doanh thu hoạt động tài chính	22	37	526.201.446.676	498.328.569.818
Chi phí tài chính	23	38	24.460.133.339	106.228.706.885
Trong đó: Chi phí đi vay	24		14.422.863.064	19.666.841.568
Chi phí bán hàng	25	39	2.054.506.322.957	1.715.260.500.409
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	40	491.663.359.538	486.575.011.568
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	27	10(b)	58.883.659.365	86.598.753.124
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - 23 - (25 + 26) + 27}	30		3.082.796.229.152	2.596.992.696.961
Thu nhập khác	31		14.254.416.620	6.178.049.290
Chi phí khác	32		12.270.391.433	19.460.699.287
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.984.025.187	(13.282.649.997)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.084.780.254.339	2.583.710.046.964
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	42	580.944.181.451	432.906.143.592
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	42	15.068.769.274	100.492.377.294
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		2.488.767.303.614	2.050.311.526.078

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		2.488.767.303.614	2.050.311.526.078
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		2.351.620.298.864	2.000.610.053.979
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		137.147.004.750	49.701.472.099
Lãi trên cổ phiếu				(Điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	43	1.769	1.509

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập:



Hoàng Thanh Vân
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng



Johnathan Ooi Siew Loke
Phó Tổng Giám đốc





Tan Teck Chuan Lester
Tổng Giám đốc kiêm
Người Đại diện theo
Pháp luật

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	3.084.780.254.339	2.583.710.046.964
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	319.709.618.384	353.312.508.933
Các khoản dự phòng	03	13.158.749.813	6.322.290.213
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.529.532.742)	(30.399.185)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(517.959.934.904)	(408.693.884.417)
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	05	(58.883.659.365)	(86.598.753.124)
Chi phí đi vay	06	14.422.863.064	19.666.841.568
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	2.852.698.358.589	2.467.688.650.952
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(145.909.855.850)	232.622.013.155
Biến động hàng tồn kho	10	126.075.230.470	598.145.634.014
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(478.946.248.599)	(590.511.804.825)
Biến động chi phí chờ phân bổ	12	78.588.875.760	66.866.888.719
		2.432.506.360.370	2.774.811.382.015
Chi phí đi vay đã trả	14	(14.973.600.341)	(21.682.471.571)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(597.713.559.780)	(426.065.420.011)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(135.705.837.497)	(134.708.333.385)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.684.113.362.752	2.192.355.157.048

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(173.442.565.830)	(112.459.304.457)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	1.057.889.730
Tiền chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(3.627.218.000.000)	(3.468.669.034.801)
Tiền thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	4.119.377.525.726	5.610.718.476.385
Tiền chi mua lại lợi ích cổ đông không kiểm soát trong công ty con	25	-	(14.880.324.020)
Mua lại công ty con, tiền thuần thu được	25	-	146.777.742.691
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và phân phối lợi nhuận	27	326.783.849.948	644.584.440.804
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	645.500.809.844	2.807.129.886.332

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	1.066.317.625.811	1.415.684.230.804
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.133.893.388.015)	(1.775.676.641.218)
Tiền chi trả cổ tức	36	(2.636.244.041.957)	(2.614.100.623.773)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.703.819.804.161)	(2.974.093.034.187)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(374.205.631.565)	2.025.392.009.193
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	4.016.881.626.734	4.477.501.667.326
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	406.976.795	9.919.666
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	3.643.082.971.964	6.502.903.596.185

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập:



Hoàng Thanh Vân
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng



Johnathan Ooi Siew Loke
Phó Tổng Giám đốc




 Tan Teck Chuan Lester
 Tổng Giám đốc kiêm
 Người Đại diện theo
 Pháp luật

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị bao gồm Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải Khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “SAB” theo Quyết định Niêm yết số 470/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2016.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm vật liệu và bao bì; cung cấp dịch vụ kho bãi, hậu cần và vận tải; sản xuất sản phẩm cơ khí, xây dựng kết cấu thép, và cung cấp dịch vụ cơ khí lắp đặt; và xây dựng và cung cấp dịch vụ bất động sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tập đoàn có 30 công ty con và 18 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (1/1/2026: có 30 công ty con và 18 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát), chi tiết như sau:

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	30/6/2026		1/1/2026	
			% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
I	Công ty con					
1	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	Sản xuất và kinh doanh bia	86,32%	86,32%	86,32%	86,32%
2	Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương (ii)	Sản xuất, kinh doanh nước giải khát, đồ hộp và phụ liệu	62,06%	62,06%	62,06%	62,06%
3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	Sản xuất và kinh doanh bia	68,25%	69,15%	68,25%	69,15%
4	Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Sản xuất và kinh doanh rượu	93,32%	93,47%	93,32%	93,47%
5	Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát có ga	55,90%	56,24%	55,90%	56,24%
6	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	54,73%	54,73%	54,73%	54,73%
7	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát; xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan	68,78%	68,78%	68,78%	68,78%
8	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát; xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan	55,36%	57,11%	55,36%	57,11%
9	Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	100%	100%	100%
10	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và cho thuê kho bãi	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
11	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và cho thuê kho bãi	95,07%	95,07%	95,07%	95,07%
12	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm	Bán buôn bia, đồ uống có cồn; bán buôn đồ uống không có cồn; bán buôn hóa chất khác, cồn; mua bán bao bì; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô	94,47%	94,47%	94,47%	94,47%
13	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; kinh doanh kho bãi và dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô	91,24%	91,24%	91,24%	91,24%
14	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
15	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển	90,14%	90,14%	90,14%	90,14%

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	30/6/2026		1/1/2026	
			% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
16	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy	90,68%	90,68%	90,68%	90,68%
17	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
18	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ và đường thủy	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
19	Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	Chế tạo máy móc dùng cho sản xuất thực phẩm; lắp đặt và bảo trì hệ thống máy móc thiết bị	100%	100%	100%	100%
20	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa	90,45%	90,45%	90,45%	90,45%
21	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	100%	100%	100%	100%
22	Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	Sản xuất và kinh doanh nắp khoén thiếc và bao bì kim loại, bao bì phục vụ ngành đồ uống thực phẩm	76,81%	76,81%	76,81%	76,81%
23	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn	Bán buôn bia, rượu và nước giải khát	100%	100%	100%	100%
24	Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	Bán buôn bia, rượu và nước giải khát	100%	100%	100%	100%
25	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	52,91%	52,91%	52,91%	52,91%
26	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	Sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm, đồ uống, bia, rượu	65,00%	65,38%	65,00%	65,38%
27	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng (i)	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	86,32%	100%	86,32%	100%
28	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây (i)	Kinh doanh đồ uống và dịch vụ nhà hàng	65,00%	100%	65,00%	100%
29	Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận (i)	Sản xuất và kinh doanh bia	65,00%	100%	65,00%	100%
30	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Phú Lý (i)	Sản xuất và kinh doanh bia	65,00%	100%	65,00%	100%

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	30/6/2026		1/1/2026	
			% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
II	Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư - Thiết kế và Chuyển giao Công nghệ Thành Nam (i)	Tư vấn xây dựng và thiết kế	28,57%	28,57%	28,57%	28,57%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn (i)	Sản xuất chai lọ kim loại, lon và in ấn bao bì	20,89%	27,42%	20,89%	27,42%
3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	30,84%	33,85%	30,84%	33,85%
4	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (i)	Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm máy móc cầu đường và xây dựng công nghiệp	26,00%	26,00%	26,00%	26,00%
5	Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô (i)	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát, sữa đậu nành và nước ép trái cây	30,96%	34,92%	30,96%	34,92%
6	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế	32,40%	32,41%	32,40%	32,41%
7	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	29,00%	29,00%	29,00%	29,00%
8	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (i)	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	17,26%	20,00%	17,26%	20,00%
9	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
10	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
11	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế	26,00%	26,00%	26,00%	26,00%
12	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
13	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh (i)	Sản xuất và kinh doanh bia	13,13%	20,20%	13,13%	20,20%
III	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát					
14	Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh (iii)	Cho thuê và quản lý cao ốc văn phòng	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%
15	Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn (iv)	Sản xuất lon nhôm	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%
16	Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	Sản xuất các sản phẩm thủy tinh	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%
17	Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì đóng gói bằng kim loại	35,00%	35,00%	35,00%	35,00%
18	Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh rượu và các sản phẩm nước uống có cồn	45,00%	45,00%	45,00%	45,00%

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC

ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Tỷ lệ quyền sở hữu thể hiện cả tỷ lệ quyền sở hữu trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn trong các công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tất cả các công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được thành lập tại Việt Nam.

- (i) Công ty con và các công ty liên kết sở hữu gián tiếp.
- (ii) Vào ngày 27 tháng 2 năm 2026, các cổ đông của Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương (“Chương Dương”), một công ty con của Tập đoàn, đã phê duyệt kế hoạch chuyển nhượng Dự án Đầu tư Nhà máy Nước giải khát Nhơn Trạch 3 cùng các tài sản liên quan, là những tài sản đại diện cho mảng kinh doanh sản phẩm nước giải khát của công ty, cho một bên phù hợp. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Ban lãnh đạo Chương Dương đang trong quá trình đánh giá các phương án triển khai kế hoạch đã được phê duyệt.
- (iii) Quyền sở hữu của Tập đoàn trong liên doanh với Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh được quy định tại Hợp đồng Liên doanh ngày 24 tháng 11 năm 1994 giữa Chương Dương và bên đối tác là Centrepont Properties Ltd., một công ty được thành lập tại Singapore. Tại thời điểm cổ phần hóa Chương Dương vào năm 2014, quyền sở hữu của Hợp đồng Liên doanh này được chuyển giao từ Chương Dương sang Tổng Công ty theo phê duyệt của Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Theo quy định tại Hợp đồng Liên doanh, lợi nhuận được phân chia cho các bên theo lịch biểu quy định trong hợp đồng này. Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, tỷ lệ lợi ích chia cho Tổng Công ty và bên đối tác lần lượt là 40% và 60% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 40% và 60%).
- (iv) Quyền sở hữu của Tập đoàn trong liên doanh với Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn được quy định tại Hợp đồng Liên doanh ngày 18 tháng 12 năm 2021 giữa Tổng Công ty và bên đối tác là Crown Asia Pacific Holdings Pte. Ltd., một công ty được thành lập tại Singapore. Theo quy định tại Hợp đồng Liên doanh, lợi nhuận được phân chia cho các bên theo lịch biểu quy định trong hợp đồng này. Vào ngày 19 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn và bên đối tác thống nhất phụ lục Hợp đồng Liên doanh, trong đó lợi nhuận phân phối từ năm 2024 đến năm 2027 sẽ được xác định bởi Nghị quyết của Hội đồng Thành viên của Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tập đoàn có 6.621 nhân viên (1/1/2026: 7.736 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 43/2026/TT-BTC (“Thông tư 43”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 43 có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

Tập đoàn đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 và Thông tư 43 áp dụng lần lượt kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và 20 tháng 4 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 và Thông tư 43 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Tập đoàn và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh 4(b)(i));
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 4(d)(i));
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh 4(m)).

4. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất, ngoại trừ những chính sách kế toán được trình bày trong Thuyết minh 3.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(iii) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động.

Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Các giao dịch và số dư được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(v) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ phát sinh giao dịch mua sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ (i) các khoản phải thu đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi, và (ii) các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(ii) Quy đổi báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát từ đơn vị tiền tệ kế toán sang đơn vị tiền tệ báo cáo

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát có đơn vị tiền tệ kế toán khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do quy đổi báo cáo tài chính bằng đơn vị tiền tệ khác VND của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ” thuộc vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản lãi phải thu tương ứng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản lãi phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ở khoản mục đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tương ứng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản lãi phải thu này được ghi nhận ở khoản mục phải thu khác (Thuyết minh 4(e)).

(ii) Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng tổn thất đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

	Tỷ lệ dự phòng
Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

Như đã trình bày trong Thuyết minh 4(d)(i), trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản lãi phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ở khoản mục phải thu khác.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ phù hợp theo mức công suất bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 45 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 30 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 15 năm
▪ tài sản khác	2 – 20 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất là từ 13 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 7 năm.

(iii) Giấy phép môi trường

Giấy phép môi trường được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của giấy phép môi trường bao gồm các chi phí cần thiết liên quan trực tiếp để có được giấy phép. Giấy phép môi trường được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hiệu lực của giấy phép từ 7 đến 10 năm.



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| ▪ quyền sử dụng đất | 16 – 47 năm |
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 45 năm |

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 32 đến 49 năm.

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, cổ tức phải trả được ghi nhận ở khoản mục phải trả cổ tức trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (Thuyết minh 4(m)). Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, cổ tức phải trả được ghi nhận ở khoản mục phải trả khác.

(m) Phải trả cổ tức

Cổ tức phải trả được ghi nhận tại thời điểm quyền nhận cổ tức của cổ đông được xác lập và nghĩa vụ thanh toán của Tập đoàn trở nên vô điều kiện.

Như được trình bày tại Thuyết minh 4(l), từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, cổ tức phải trả được ghi nhận ở khoản mục phải trả cổ tức trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu đồng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(o) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu đã được đăng ký và lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) được ghi nhận vào ngày đăng ký cuối cùng. Doanh thu cổ tức từ các cổ phiếu chưa được đăng ký tại VSDC được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(r) Thuê

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được trình bày trong Thuyết minh 4(g).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(s) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trừ trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, các khoản chi phí này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

(t) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi đã trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước.

5. Tính thời vụ của hoạt động

Hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Bán bia;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động kinh doanh khác bao gồm bán rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan; và cung cấp dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

6. Các thay đổi ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Tập đoàn kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

8. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Bộ phận kinh doanh của Tập đoàn được chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bán bia;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động kinh doanh khác bao gồm bán rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan; và cung cấp dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác.

Trong kỳ, các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày báo cáo chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh bia. Theo đó, thông tin tài chính được trình bày trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh bia của Tập đoàn. Thuyết minh 35 và Thuyết minh 36 trình bày chi tiết doanh thu và giá vốn của từng loại sản phẩm, vì vậy đã cung cấp đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động của mỗi bộ phận kinh doanh như được phân loại ở trên.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Tập đoàn và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn trong lãnh thổ Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền mặt	1.837.470.680	1.525.224.849
Tiền gửi ngân hàng (a)	1.645.613.107.561	1.173.337.410.281
Các khoản tương đương tiền (b)	1.995.632.393.723	2.842.018.991.604
	3.643.082.971.964	4.016.881.626.734

(a) Chi tiết các khoản tiền gửi ngân hàng như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tên ngân hàng		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	469.359.631.180	236.352.160.889
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	455.039.148.693	389.691.676.769
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	270.422.003.235	377.355.440.830
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	262.605.179.624	51.757.796.498
Các ngân hàng khác	188.187.144.829	118.180.335.295
	1.645.613.107.561	1.173.337.410.281

(b) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất 4,75% một năm (1/1/2026: từ 4,75% đến 4,80% một năm).

Chi tiết các khoản tương đương tiền như sau:

	Thời gian đáo hạn gốc	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	2 - 3 tháng	1.359.938.311.597	1.528.232.991.604
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	1 - 2 tháng	435.535.000.000	1.263.286.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	1 tháng	200.159.082.126	50.500.000.000
		1.995.632.393.723	2.842.018.991.604

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Thời gian đáo hạn còn lại	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (i)</i>			
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	1 - 3 tháng	6.898.708.899.735	3.480.898.801.370
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	4 - 6 tháng	5.228.950.000.000	749.931.232.877
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	7 - 9 tháng	3.853.213.907.875	5.743.208.899.735
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	10 - 12 tháng	477.990.000.000	5.011.450.000.000
Lãi phải thu		626.997.373.177	369.294.167.275
		17.085.860.180.787	15.354.783.101.257
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn (ii)</i>			
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	13 - 15 tháng	13.800.000.000	1.973.500.000.000
Lãi phải thu		14.684.932	2.381.864.932
		13.814.684.932	1.975.881.864.932

- (i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,20% đến 8,40% một năm (1/1/2026: từ 4,20% đến 7,20% một năm).
- (ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có thời gian đáo hạn còn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất 8,00% một năm (1/1/2026: từ 6,70% đến 7,80% một năm).

Không có dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 30 tháng 6 năm 2025.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư góp vốn

	30/6/2026			1/1/2026		
	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu/ Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu/ Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (i)	2.227.273.226.050	(70.829.555.721)	2.156.443.670.329	2.220.382.986.537	(70.829.555.721)	2.149.553.430.816
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (ii)	362.429.271.916	(299.670.211.522)	62.759.060.394	362.429.271.916	(290.688.202.522)	71.741.069.394
	2.589.702.497.966	(370.499.767.243)	2.219.202.730.723	2.582.812.258.453	(361.517.758.243)	2.221.294.500.210

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(i) Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Tên công ty	30/6/2026			1/1/2026		
	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào các công ty liên kết						
▪ Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư - Thiết kế và Chuyển giao Công nghệ Thành Nam	329.653.546	(*)	-	329.653.546	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	357.095.832.540	(*)	-	350.548.680.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	61.213.299.154	44.985.444.600	-	62.593.866.289	46.070.196.000	-
▪ Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	12.676.743.733	(*)	-	10.988.466.468	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	93.343.901.461	43.436.169.540	-	96.455.365.989	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	210.465.950.642	374.819.566.250	-	203.125.146.013	385.459.605.550	-
▪ Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	70.829.555.721	(*) (70.829.555.721)	-	70.829.555.721	(*) (70.829.555.721)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	36.171.664.743	12.612.600.000	-	35.578.652.894	17.129.112.000	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	42.582.546.954	(*)	-	43.327.664.674	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	-	(*)	-	-	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	48.371.780.656	(*)	-	48.545.588.876	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	15.138.563.351	(*)	-	26.791.450.563	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh	42.209.112.689	(*)	-	42.209.112.689	(*)	-
Đầu tư vào các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát						
▪ Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh	154.341.557.414	(*)	-	125.517.645.813	(*)	-
▪ Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	653.947.809.969	(*)	-	640.064.120.552	(*)	-
▪ Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	367.329.244.847	(*)	-	378.792.087.587	(*)	-
▪ Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	55.719.011.931	(*)	-	71.280.324.913	(*)	-
▪ Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	5.506.996.699	(*)	-	13.405.603.950	(*)	-
	2.227.273.226.050	(70.829.555.721)		2.220.382.986.537	(70.829.555.721)	

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

Biến động của đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.220.382.986.537	2.304.838.560.802
Lợi nhuận được chia trong kỳ	58.883.659.365	86.598.753.124
Thu nhập từ cổ tức trong kỳ	(54.099.412.740)	(239.457.933.060)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ (Thuyết minh 30)	2.105.992.888	29.154.209.386
Phân loại lại sang khoản đầu tư vào công ty con liên quan đến việc mua Sabibeco	-	(345.174.627.629)
Ghi nhận các công ty liên kết mới liên quan đến việc mua Sabibeco	-	236.501.920.127
Số dư cuối kỳ	2.227.273.226.050	2.072.460.882.750



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Tên công ty	30/6/2026			1/1/2026		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (**)	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)
▪ Công ty Cổ phần PVI	51.475.140.000	36.170.793.000	(15.304.347.000)	51.475.140.000	45.152.802.000	(6.322.338.000)
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	30.700.950.000	7.111.860.000	(30.700.950.000)	30.700.950.000	7.486.710.000	(30.700.950.000)
▪ Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)
▪ Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	26.588.267.394	(*)	-	26.588.267.394	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	1.161.147.000	(*)	(1.161.147.000)	1.161.147.000	(*)	(1.161.147.000)
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)
▪ Công ty TNHH Đầu tư Sabeco HP	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Đồng Nai	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Đồng Hà	5.600.000.000	(*)	(5.600.000.000)	5.600.000.000	(*)	(5.600.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Kinh doanh Thực phẩm Trường Sa	1.500.000.000	(*)	(1.500.000.000)	1.500.000.000	(*)	(1.500.000.000)
	362.429.271.916		(299.670.211.522)	362.429.271.916		(290.688.202.522)

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư vốn chủ sở hữu vào các đơn vị khác trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	362.429.271.916	410.929.271.916
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	1.500.000.000
Phân loại lại khoản đầu tư vào công ty liên kết liên quan đến việc mua Sabibeco	-	(50.000.000.000)
Số dư cuối kỳ	362.429.271.916	362.429.271.916

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026 được xác định bằng cách tham khảo giá niêm yết cổ phiếu.

- (*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (**) Vào ngày 17 tháng 1 năm 2025, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (“DongA Bank”) đã được chuyển giao bắt buộc sang Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank”).

(iii) Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn

Biến động của dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	361.517.758.243	378.706.755.565
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	1.500.000.000
Dự phòng trích lập trong kỳ	8.982.009.000	-
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	(1.453.250.322)
Số dư cuối kỳ	370.499.767.243	378.753.505.243

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

11. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	108.907.752.360	-	77.494.204.967	-
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	77.861.561.873	-	35.080.237.307	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	73.685.073.343	-	75.016.255.509	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	29.981.791.542	-	50.464.632.166	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	19.990.647.755	(10.656.929.482)	19.990.647.755	(10.656.929.482)
Các khách hàng khác	465.831.698.361	(271.481.257.178)	439.522.070.141	(271.593.678.383)
	776.258.525.234	(282.138.186.660)	697.568.047.845	(282.250.607.865)

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
<i>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>				
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	73.685.073.343	-	75.016.255.509	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	29.981.791.542	-	50.464.632.166	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	19.990.647.755	(10.656.929.482)	19.990.647.755	(10.656.929.482)
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	13.258.407.073	-	2.511.264.515	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	6.011.373.535	-	29.043.626	-
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	1.610.764.721	-	792.342.303	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	1.177.148.678	-	1.370.134.354	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	453.989.698	-	4.231.606.703	-
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	105.017.154	-	724.502.151	-
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh	2.375.132	-	312.610	-
<i>Các bên liên quan khác</i>				
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	108.907.752.360	-	77.494.204.967	-
Công ty TNHH Việt Nam Logistics and Supply Chain	133.696.809	-	612.034.344	-
Công ty TNHH S.A.S. CTAMAD	23.529.409	-	20.649.917	-



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Phải thu do chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư và phần vốn góp trong một công ty liên kết	277.230.733.543	277.230.733.543
Phải thu về cổ tức và phân phối lợi nhuận	43.547.631.000	62.338.686.899
Phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng	4.037.780.599	7.564.087.231
Phải thu khác	38.130.924.409	27.952.339.056
	362.947.069.551	375.085.846.729

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
<i>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	277.230.733.543	277.230.733.543
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	19.543.500.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	9.972.927.000	316.849.526
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	8.789.550.000	8.789.550.000
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	3.491.653.500	133.800.000
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh	-	45.569.436.899
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	-	7.675.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	-	160.458.091

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	34.794.898.763	35.400.068.378

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

13. Dự phòng phải thu khó đòi

(a) Ngắn hạn

	30/6/2026			1/1/2026		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu của khách hàng	292.804.958.793	(282.138.186.660)	10.666.772.133	292.692.537.588	(282.250.607.865)	10.441.929.723
Trả trước cho người bán	6.160.777.105	(6.160.777.105)	-	6.160.777.105	(6.160.777.105)	-
Phải thu ngắn hạn khác	284.726.633.626	(284.726.633.626)	-	284.726.633.626	(284.726.633.626)	-
	583.692.369.524	(573.025.597.391)	10.666.772.133	583.579.948.319	(573.138.018.596)	10.441.929.723

(b) Dài hạn

	30/6/2026			1/1/2026		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu dài hạn của khách hàng	5.948.610.516	(5.948.610.516)	-	5.948.610.516	(5.948.610.516)	-
Phải thu dài hạn khác	451.100.000	(451.100.000)	-	451.100.000	(451.100.000)	-
	6.399.710.516	(6.399.710.516)	-	6.399.710.516	(6.399.710.516)	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2025
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	579.537.729.112	315.937.405.063
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	247.168.959.595
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(112.421.205)	(65.560.000)
Số dư cuối kỳ	579.425.307.907	563.040.804.658

14. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc
	VND	VND	VND
Hàng mua đang			
đi trên đường	90.234.732.145	-	79.024.341.958
Nguyên vật liệu	647.496.161.027	(12.076.758.583)	877.475.904.724
Công cụ và dụng cụ	219.708.493.569	(56.224.238.715)	236.144.088.895
Chi phí sản xuất			
kinh doanh dở dang	233.215.278.679	-	236.672.682.644
Sản phẩm	767.002.463.951	(5.935.679.604)	672.101.718.157
Hàng hóa	17.005.407.951	-	8.430.977.447
	1.974.662.537.322	(74.236.676.902)	2.109.849.713.825
			(82.497.905.724)

Chi phí nguyên vật liệu và vật tư tiêu hao được phân bổ vào giá thành sản phẩm dựa trên các tiêu thức phân bổ phù hợp với đặc thù của hoạt động kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn ở sản lượng sản xuất, giờ công lao động trực tiếp, giờ máy hoạt động, v.v.), nhằm đảm bảo việc xác định giá thành sản phẩm được phản ánh hợp lý và nhất quán giữa các kỳ báo cáo.

Trong kỳ, Tập đoàn đã xác định một số hàng tồn kho có dấu hiệu luân chuyển chậm và quyết định trích lập dự phòng đối với các mặt hàng tồn kho này theo các quy định hiện hành và chính sách nội bộ áp dụng của Tập đoàn.

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có 74.237 triệu VND (1/1/2026: 82.498 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời và chậm luân chuyển.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	82.497.905.724	64.308.823.184
Dự phòng trích lập trong kỳ	16.105.045.715	6.921.999.135
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(16.214.106.346)	(4.997.524.260)
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(7.355.735.500)	(3.162.299.680)
Chuyển (sang)/từ dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	(796.432.691)	50.506.048
Số dư cuối kỳ	74.236.676.902	63.121.504.427

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	118.056.636.252	(84.709.684.300)	116.368.967.102	(82.318.507.247)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	82.318.507.247	61.404.522.221
Dự phòng trích lập trong kỳ	4.858.068.117	5.029.629.779
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(3.194.782.372)	(2.805.162.974)
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(68.541.383)	-
Chuyển từ/(sang) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	796.432.691	(50.506.048)
Số dư cuối kỳ	84.709.684.300	63.578.482.978

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	3.305.060.964.320	12.245.970.756.938	279.236.788.740	192.970.534.562	16.998.970.588	16.040.238.015.148
Tăng trong kỳ	66.236.604	31.352.705.523	1.111.000.000	5.575.197.677	32.312.884	38.137.452.688
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	10.129.126.217	30.710.960.974	-	-	2.115.775.434	42.955.862.625
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(92.893.167.945)	-	-	-	-	(92.893.167.945)
Thanh lý	-	(784.099.906)	(9.138.873.443)	(1.042.908.682)	-	(10.965.882.031)
Số dư cuối kỳ	3.222.363.159.196	12.307.250.323.529	271.208.915.297	197.502.823.557	19.147.058.906	16.017.472.280.485
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	2.068.152.991.288	10.048.867.176.581	241.836.283.677	176.738.635.498	11.783.486.036	12.547.378.573.080
Khấu hao trong kỳ	66.362.636.122	213.663.730.676	4.063.178.754	3.196.953.672	583.338.418	287.869.837.642
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(39.762.717.018)	-	-	-	-	(39.762.717.018)
Thanh lý	-	(784.099.906)	(8.498.731.336)	(1.042.908.682)	-	(10.325.739.924)
Số dư cuối kỳ	2.094.752.910.392	10.261.746.807.351	237.400.731.095	178.892.680.488	12.366.824.454	12.785.159.953.780
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	1.236.907.973.032	2.197.103.580.357	37.400.505.063	16.231.899.064	5.215.484.552	3.492.859.442.068
Số dư cuối kỳ	1.127.610.248.804	2.045.503.516.178	33.808.184.202	18.610.143.069	6.780.234.452	3.232.312.326.705

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 6.555.458 triệu VND (1/1/2026: 6.327.704 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, nguyên giá tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý là 154.336 triệu VND (1/1/2026: 138.870 triệu VND).

16. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	173.582.726.065
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	27.026.915.007
Khấu hao trong kỳ	2.593.781.345
Số dư cuối kỳ	29.620.696.352
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	146.555.811.058
Số dư cuối kỳ	143.962.029.713

Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính lớn đang được sử dụng (trình bày theo giá trị còn lại):

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Nhà máy Nhơn Trạch 3	143.962.029.713	146.555.811.058

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	1.549.819.275.867	148.151.130.654	29.532.649.230	1.727.503.055.751
Tăng trong kỳ	-	634.125.000	-	634.125.000
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(233.759.609.531)	-	-	(233.759.609.531)
Số dư cuối kỳ	1.316.059.666.336	148.785.255.654	29.532.649.230	1.494.377.571.220
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	174.580.601.613	120.559.993.318	3.517.296.663	298.657.891.594
Khấu hao trong kỳ	11.659.081.917	10.447.593.542	1.741.830.714	23.848.506.173
Chuyển từ bất động sản đầu tư	(25.551.349.007)	-	-	(25.551.349.007)
Số dư cuối kỳ	160.688.334.523	131.007.586.860	5.259.127.377	296.955.048.760
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	1.375.238.674.254	27.591.137.336	26.015.352.567	1.428.845.164.157
Số dư cuối kỳ	1.155.371.331.813	17.777.668.794	24.273.521.853	1.197.422.522.460

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản cố nguyên giá 85.597 triệu VND (1/1/2026: 82.929 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 304 triệu VND (1/1/2026: 304 triệu VND).

- (*) Trong quyền sử dụng đất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các quyền sử dụng đất với giá trị là 735.380 triệu VND được Tập đoàn ghi nhận theo giá tạm tính tăng thêm vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Biên bản Quyết toán cổ phần hóa, do Ban Quyết toán cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công thương và Bộ Tài chính thực hiện tại ngày 30 tháng 4 năm 2008, và lập vào ngày 6 tháng 3 năm 2010. Tập đoàn đã ghi nhận tăng giá trị quyền sử dụng đất này vào tài khoản “Tài sản cố định vô hình”, đồng thời ghi nhận tăng tương ứng một khoản phải trả Nhà nước vào tài khoản “Phải trả ngắn hạn khác” (Thuyết minh 26(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Bộ Công thương và Bộ Tài chính của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã giao cho Tập đoàn quản lý và sử dụng các khu đất này theo kế hoạch của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn đã nộp hồ sơ cho các hợp đồng thuê đất hàng năm gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại, các khu đất này đang được sử dụng cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tập đoàn. Đây là quyền sử dụng đất hàng năm với những hạn chế về quyền sở hữu, và không được tự ý chuyển nhượng, cho thuê lại, thế chấp hay xây dựng.

Chi tiết quyền sử dụng đất được ghi nhận theo giá trị tạm tính tăng thêm vào ngày 6 tháng 3 năm 2010 như sau:

STT	Địa chỉ	Diện tích m ²	Giá trị định giá
			khí xác định giá trị doanh nghiệp VND
1	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	17.406,1	418.634.111.100
2	474 Nguyễn Chí Thanh, Phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	7.729,0	247.637.160.000
3	46 Bến Vân Đồn, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.872,5	55.241.212.500
4	18/3B Phan Huy Ích, Phường Tân Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.216,3	13.867.389.100
			735.379.872.700

Tập đoàn chưa trích khấu hao giá trị của các quyền sử dụng đất này do thời gian sử dụng chưa được xác định một cách đáng tin cậy tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Trong kỳ, Tập đoàn cũng đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ chi phí thuê đất và thuế đất với số tiền là 10.942 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 29.765 triệu VND) theo thông báo nộp thuế sử dụng đất của các chi cục thuế địa phương.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

18. Bất động sản đầu tư

	Bất động sản đầu tư cho thuê		Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá	
	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	-	270.391.380.526	11.435.637.437	281.827.017.963
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	92.893.167.945	-	92.893.167.945
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	233.759.609.531	-	-	233.759.609.531
Số dư cuối kỳ	233.759.609.531	363.284.548.471	11.435.637.437	608.479.795.439
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	40.077.278.805	3.150.911.918	43.228.190.723
Khấu hao trong kỳ	45.553.146	5.351.940.078	-	5.397.493.224
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	39.762.717.018	-	39.762.717.018
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	25.551.349.007	-	-	25.551.349.007
Số dư cuối kỳ	25.596.902.153	85.191.935.901	3.150.911.918	113.939.749.972
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	-	230.314.101.721	8.284.725.519	238.598.827.240
Số dư cuối kỳ	208.162.707.378	278.092.612.570	8.284.725.519	494.540.045.467

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Các bất động sản đầu tư chính (trình bày theo giá trị còn lại):

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tòa nhà Sagota – Nam Kỳ Khởi Nghĩa	53.130.450.927	-
Quyền sử dụng đất – Nam Kỳ Khởi Nghĩa	205.497.848.327	-
Nhà kho – Khu công nghiệp Mỹ Phước 3	223.497.226.583	228.631.005.659
Khác	12.414.519.630	9.967.821.581
	494.540.045.467	238.598.827.240

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư cho thuê và các bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

19. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2025
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	141.443.319.021	122.014.021.082
Tăng trong kỳ	71.958.129.418	68.934.064.348
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	424.297.740
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(42.955.862.625)	(38.310.697.438)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(2.958.681.408)
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ dài hạn	(1.798.261.325)	(9.448.129.448)
	168.647.324.489	140.654.874.876

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang chính như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Dự án san lấp mặt bằng tại Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi	43.296.363.636	43.296.363.636
Dự án xây dựng trung tâm thương mại và dịch vụ	22.142.491.660	19.734.714.188
Các công trình khác	103.208.469.193	78.412.241.197
	168.647.324.489	141.443.319.021

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí chờ phân bổ

(a) Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Chi phí bảng hiệu quảng cáo	50.840.857.793	108.182.422.391
Chi phí thuê	13.334.705.637	10.193.543.882
Công cụ và dụng cụ	5.014.980.929	6.370.678.738
Chi phí khác	26.179.348.099	15.074.459.306
	95.369.892.458	139.821.104.317

(b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Chi phí đất trả trước	362.748.456.459	367.843.227.141
Quyền sử dụng đất chờ bàn giao (*)	51.602.316.000	51.602.316.000
Bao bì luân chuyển	35.493.590.813	54.515.827.387
Công cụ và dụng cụ	34.387.311.904	36.945.876.739
Chi phí chờ phân bổ khác	35.751.771.373	41.415.601.858
	519.983.446.549	552.322.849.125

(*) Giá trị quyền sử dụng đất chờ bàn giao phản ánh tiền thuế đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 26(b)).

Biến động của chi phí chờ phân bổ dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2025
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	552.322.849.125	455.034.726.932
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	52.956.761.638
Tăng trong kỳ	63.974.287.068	19.245.261.389
Phân bổ trong kỳ	(99.638.631.932)	(76.196.463.925)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.798.261.325	9.448.129.448
Chuyển từ/(sang) chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	1.526.680.963	(33.408.826)
	519.983.446.549	460.455.006.656

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Thuế suất	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:			
▪ Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	20%	55.433.944.721	55.508.914.721
▪ Lãi chưa thực hiện	20%	36.878.144.353	22.523.920.293
▪ Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	26.552.769.901	79.962.817.222
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	20%	24.531.968.666	24.538.049.831
▪ Dự phòng phải thu khó đòi	20%	2.179.550.222	2.179.550.222
▪ Các khoản khác	20%	7.680.164.922	7.243.160.426
		153.256.542.785	191.956.412.715
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận trên:			
▪ Các điều chỉnh theo giá trị hợp lý phát sinh từ việc mua công ty con	20%	207.319.449.370	214.390.345.828
▪ Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	20%	175.253.301.957	191.794.061.254
▪ Các khoản khác	20%	160.548.151	179.993.052
		382.733.299.478	406.364.400.134

22. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	304.365.620.088	404.695.685.526
Công ty TNHH Lon nước Giải khát TBC-Ball Việt Nam	205.340.953.805	193.523.096.220
Công ty TNHH Asia Packing Industries Việt Nam	184.582.982.119	235.430.173.937
Các nhà cung cấp khác	926.851.526.355	1.569.968.894.378
	1.621.141.082.367	2.403.617.850.061

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
<i>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	304.365.620.088	404.695.685.526
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	37.063.297.367	88.913.887.648
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	26.674.789.790	39.183.925.173
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	21.375.099.345	21.355.844.071
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	15.664.468.947	17.287.039.981
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	9.374.608.512	9.374.608.512
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	5.830.807.680	34.418.916.310
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	4.875.431.750	18.462.261.307
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	4.743.697.608	5.626.877.760
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	4.278.423.984	2.462.365.590
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	203.861.465	21.348.361.023
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	205.340.953.805	193.523.096.220
Sustainability Expo Co., Ltd	913.277.100	913.277.100
Dhospaak Co., Ltd	141.278.855	141.278.855
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	21.680.176	92.914.834

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

23. Phải trả cổ tức

	Thời gian thanh toán	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Cổ tức phải trả bằng tiền mặt	Tháng 8 năm 2026	3.847.687.116.000	-
Cổ tức phải trả bằng tiền mặt	Tháng 9 năm 2026	9.861.807.200	-
	Từ tháng 2 đến		
Cổ tức phải trả bằng tiền mặt	tháng 7 năm 2026	4.752.174.049	2.565.124.744.000
Cổ tức phải trả bằng tiền mặt (*)	Trước năm 2026	43.243.822.254	46.562.616.408
		3.905.544.919.503	2.611.687.360.408

Chi tiết phải trả cổ tức như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty TNHH Vietnam Beverage, công ty mẹ	2.061.855.522.000	1.374.570.348.000
Khác	1.843.689.397.503	1.237.117.012.408
	3.905.544.919.503	2.611.687.360.408

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, khoản phải trả cổ tức này phản ánh cổ tức chưa được nhận bởi các cổ đông thiểu số.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

24. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2026 VND	Phát sinh VND	Đã nộp VND	Cần trừ VND	Phân loại lại sang thuế phải thu VND	30/6/2026 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.092.984.523.710	5.926.176.423.158	(5.978.859.498.952)	-	-	1.040.301.447.916
Thuế giá trị gia tăng	181.288.426.774	7.351.985.253.215	(1.135.365.223.963)	(6.172.956.862.424)	1.636.348.175	226.587.941.777
Thuế thu nhập doanh nghiệp	331.338.875.567	580.944.181.451	(597.713.559.780)	(2.391.616.308)	165.553.224	312.343.434.154
Thuế thu nhập cá nhân	8.742.436.687	55.627.903.618	(55.691.194.297)	(602.788.095)	55.635.270	8.131.993.183
Thuế xuất nhập khẩu	-	641.672.723	(664.545.567)	-	22.872.844	-
Các loại thuế khác	11.631.676.906	66.581.473.905	(64.563.294.566)	(3.938.446.365)	19.728.016	9.731.137.896
	1.625.985.939.644	13.981.956.908.070	(7.832.857.317.125)	(6.179.889.713.192)	1.900.137.529	1.597.095.954.926

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2026 VND	Cán trừ VND	Phân loại lại từ thuế phải nộp VND	30/6/2026 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	1.636.348.175	1.636.348.175
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.114.470.165	(2.391.616.308)	165.553.224	2.888.407.081
Thuế thu nhập cá nhân	623.152.152	(602.788.095)	55.635.270	75.999.327
Thuế xuất nhập khẩu	2.082.000	-	22.872.844	24.954.844
Các loại thuế khác	4.063.204.457	(3.938.446.365)	19.728.016	144.486.108
	9.802.908.774	(6.932.850.768)	1.900.137.529	4.770.195.535

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí phải trả

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	783.326.795.829	456.936.914.682
Chi phí lãi vay	13.103.486.794	12.855.839.329
Chi phí phải trả khác	137.586.038.306	110.479.011.022
	934.016.320.929	580.271.765.033

26. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (*)	735.379.872.700	735.379.872.700
Nhận ký quỹ ngắn hạn	160.128.535.380	141.512.507.395
Phải trả ngắn hạn khác	73.113.996.944	66.824.189.588
	968.622.405.024	943.716.569.683

(*) Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được ghi nhận theo Biên bản Quyết toán cổ phần hóa, do Ban Quyết toán cổ phần hóa, gồm các đại diện của Bộ Công thương và Bộ Tài chính, lập ngày 6 tháng 3 năm 2010 (Thuyết minh 17).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
<i>Các công ty mẹ cấp trung gian</i>		
Thai Beverage Public Company Limited	640.794.398	640.794.398
BeerCo Limited	11.060.625.116	7.774.489.718
<i>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư - Thiết kế và		
Chuyển giao Công nghệ Thành Nam	340.000.000	340.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	82.408.746	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	30.619.033	287.052.879
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	6.284.198	6.284.198
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh	-	40.000
<i>Bên liên quan khác</i>		
Chang International Co., Ltd	783.891.435	1.683.187.327

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 20(b))	51.602.316.000	51.602.316.000
Nhận ký quỹ dài hạn	30.773.981.787	25.559.142.669
	82.376.297.787	77.161.458.669

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

27. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2026 Giá trị ghi sổ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2026 Giá trị ghi sổ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	266.075.762.204	1.066.317.625.811	(1.133.893.388.015)	198.500.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh (27(b)))	1.508.542.289	9.225.038.434	(9.159.174.018)	1.574.406.705
	267.584.304.493	1.075.542.664.245	(1.143.052.562.033)	200.074.406.705

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Các khoản vay ngân hàng không có đảm bảo			
▪ Ngân hàng Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	78.000.000.000	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	VND	67.500.000.000	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4	VND	30.000.000.000	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	VND	23.000.000.000	172.575.762.204
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	VND	-	93.500.000.000
		198.500.000.000	266.075.762.204

Các khoản vay này chịu lãi suất từ 6,35% đến 7,70% một năm (1/1/2026: từ 4,80% đến 5,80% một năm).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

(b) Nợ thuê tài chính

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Nợ thuê tài chính dài hạn	168.646.045.664	169.444.430.406
Khoản đến hạn phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 27(a))	(1.574.406.705)	(1.508.542.289)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	167.071.638.959	167.935.888.117

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026			1/1/2026		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	16.101.530.821	14.527.124.116	1.574.406.705	16.101.530.821	14.592.988.532	1.508.542.289
Trong vòng hai đến năm năm	64.406.123.280	56.610.808.005	7.795.315.275	64.406.123.280	56.936.920.621	7.469.202.659
Sau năm năm	362.284.443.450	203.008.119.766	159.276.323.684	370.335.208.860	209.868.523.402	160.466.685.458
	442.792.097.551	274.146.051.887	168.646.045.664	450.842.862.961	281.398.432.555	169.444.430.406



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty và các công ty con. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	231.318.402.774	199.419.484.414
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	2.378.213.675
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 30)	97.034.144.790	76.051.978.531
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 30)	(3.468.834.037)	13.003.050.066
Sử dụng trong kỳ	(133.543.733.037)	(132.551.095.373)
Số dư cuối kỳ	191.339.980.490	158.301.631.313

29. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng phải trả dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	65.695.671.051	69.306.838.170
Dự phòng trích lập trong kỳ	3.173.619.266	3.735.148.040
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(438.682.362)	(42.989.185)
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(2.162.104.460)	(2.157.238.012)
Số dư cuối kỳ	66.268.503.495	70.841.759.013

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

30. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của chủ sở hữu Tổng Công ty VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	12.825.623.720.000	3.208.666.226	53.776.366.426	1.181.709.861.073	9.217.801.321.446	23.282.119.935.171	1.154.973.247.501	24.437.093.182.672
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	2.000.610.053.979	2.000.610.053.979	49.701.472.099	2.050.311.526.078
Cổ tức (Thuyết minh 32)	-	-	-	-	(3.847.687.116.000)	(3.847.687.116.000)	(71.491.229.448)	(3.919.178.345.448)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 28)	-	-	-	-	(66.608.692.750)	(66.608.692.750)	(9.443.285.781)	(76.051.978.531)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(11.829.370.850)	(11.829.370.850)	(443.626.355)	(12.272.997.205)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 28)	-	-	-	-	(12.808.372.253)	(12.808.372.253)	(194.677.813)	(13.003.050.066)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(2.419.788)	(2.419.788)	(68.237.151)	(70.656.939)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ (Thuyết minh 10(b)(i))	-	-	29.154.209.386	-	-	29.154.209.386	-	29.154.209.386
Thay đổi tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	3.315.237.683	(5.058.889.745)	(1.743.652.062)	(13.948.171.958)	(15.691.824.020)
Thay đổi do mua lại công ty con	-	200.118.312	-	1.719.195.187	1.462.466.205	3.381.779.704	390.669.753.878	394.051.533.582
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	12.825.623.720.000	3.408.784.538	82.930.575.812	1.186.744.293.943	7.275.878.980.244	21.374.586.354.537	1.499.755.244.972	22.874.341.599.509

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của chủ sở hữu Tổng Công ty VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2025	12.825.623.720.000	3.408.784.538	82.930.575.812	1.186.744.293.943	7.275.878.980.244	21.374.586.354.537	1.499.755.244.972	22.874.341.599.509
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	2.422.929.768.556	2.422.929.768.556	99.883.782.424	2.522.813.550.980
Cổ tức	-	-	-	-	(2.565.124.744.000)	(2.565.124.744.000)	(32.150.281.330)	(2.597.275.025.330)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(64.419.442.807)	(64.419.442.807)	(9.655.249.124)	(74.074.691.931)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(11.557.400.573)	(11.557.400.573)	(315.063.103)	(11.872.463.676)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ	-	-	6.932.471.051	-	-	6.932.471.051	-	6.932.471.051
Thay đổi do mua lại công ty con	-	-	-	-	(10.563.016.619)	(10.563.016.619)	289.512.652.570	278.949.635.951
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	12.825.623.720.000	3.408.784.538	89.863.046.863	1.186.744.293.943	7.047.144.144.801	21.152.783.990.145	1.847.031.086.409	22.999.815.076.554

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của chủ sở hữu Tổng Công ty VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	12.825.623.720.000	3.408.784.538	89.863.046.863	1.186.744.293.943	7.047.144.144.801	21.152.783.990.145	1.847.031.086.409	22.999.815.076.554
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	2.351.620.298.864	2.351.620.298.864	137.147.004.750	2.488.767.303.614
Cổ tức (Thuyết minh 32)	-	-	-	-	(3.847.687.116.000)	(3.847.687.116.000)	(82.414.485.052)	(3.930.101.601.052)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 28)	-	-	-	-	(83.211.068.210)	(83.211.068.210)	(13.823.076.580)	(97.034.144.790)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(11.857.555.758)	(11.857.555.758)	(575.438.565)	(12.432.994.323)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 28)	-	-	-	-	1.767.413.244	1.767.413.244	1.701.420.793	3.468.834.037
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	256.523.258	256.523.258	(6.976.970)	249.546.288
Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ (Thuyết minh 10(b)(i))	-	-	2.105.992.888	-	-	2.105.992.888	-	2.105.992.888
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	12.825.623.720.000	3.408.784.538	91.969.039.751	1.186.744.293.943	5.458.032.640.199	19.565.778.478.431	1.889.059.534.785	21.454.838.013.216



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

31. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2026 và 1/1/2026
	Số cổ phiếu VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	
Cổ phiếu phổ thông	1.282.562.372 12.825.623.720.000
Số cổ phiếu đang lưu hành	
Cổ phiếu phổ thông	1.282.562.372 12.825.623.720.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn.

32. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty vào ngày 24 tháng 4 năm 2026 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước là 3.847.687 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 3.847.687 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

33. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Biến động của quỹ đầu tư phát triển trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.186.744.293.943	1.181.709.861.073
Thay đổi tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 30)	-	5.034.432.870
Số dư cuối kỳ	1.186.744.293.943	1.186.744.293.943

34. Các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Trong vòng một năm	189.630.563.214	251.272.853.897
Trong vòng hai đến năm năm	406.786.374.055	568.299.902.286
Sau năm năm	617.147.486.864	638.791.171.772
	1.213.564.424.133	1.458.363.927.955

Các tài sản thuê hoạt động bao gồm:

	Số lượng	Thời hạn thuê gốc	30/6/2026	1/1/2026
			VND	VND
Thuê đất	50	1 - 45 năm	1.058.296.583.520	1.256.443.550.404
Thuê văn phòng	44	1 - 13 năm	139.179.349.065	180.568.480.447
Khác		Dưới 5 năm	16.088.491.548	21.351.897.104
			1.213.564.424.133	1.458.363.927.955

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(b) Tài sản, nguyên vật liệu và hàng hóa nhận giữ hộ các bên thứ ba

	Đơn vị	30/6/2026	1/1/2026
Bia	thùng/kết	4.517.290	3.569.589
Nước giải khát	thùng/kết	57.740	46.635

(c) Ngoại tệ các loại

	30/6/2026		1/1/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.100.585	28.911.528.302	327.288	8.536.475.232
EUR	2.050	61.877.479	2.059	62.321.217
AUD	3.139	56.783.732	3.139	54.216.349
		29.030.189.513		8.653.012.798

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	125.478.417.477	78.774.266.487
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	5.366.000.000	-
	130.844.417.477	78.774.266.487

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

35. Doanh thu

Tổng doanh thu bán hàng chủ yếu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán bia	12.623.704.359.851	11.824.966.568.050
▪ Doanh thu bán nguyên vật liệu	707.251.677.516	753.077.923.746
▪ Doanh thu bán nước giải khát	81.641.474.553	70.297.895.632
▪ Doanh thu bán cồn và rượu	29.593.896.988	22.292.028.911
▪ Doanh thu khác	110.553.153.332	96.198.945.516
	13.552.744.562.240	12.766.833.361.855
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(207.504.379.557)	(151.739.295.303)
▪ Hàng bán bị trả lại	(28.051.656)	(31.110.725)
	(207.532.431.213)	(151.770.406.028)
Doanh thu thuần	13.345.212.131.027	12.615.062.955.827

36. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Giá vốn bia đã bán	7.467.092.498.294	7.451.453.745.973
Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	706.304.446.374	747.813.143.758
Giá vốn nước giải khát đã bán	54.615.243.674	53.048.091.037
Giá vốn cồn và rượu đã bán	22.003.721.080	18.965.219.655
Giá vốn khác	26.855.282.660	23.653.162.523
	8.276.871.192.082	8.294.933.362.946

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

37. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng	518.600.655.552	491.693.699.880
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.600.791.124	5.634.869.938
Thu nhập từ cổ tức và phân phối lợi nhuận	-	1.000.000.000
	526.201.446.676	498.328.569.818

38. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí đi vay	14.422.863.064	19.666.841.568
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	8.982.009.000	(1.453.250.322)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.055.261.275	2.969.328.010
Lỗ từ việc đánh giá lại theo giá trị hợp lý	-	85.045.787.629
	24.460.133.339	106.228.706.885

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

39. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	1.119.251.209.089	900.026.777.967
Chi phí nhân viên	389.632.435.021	446.105.346.400
Chi phí vận chuyển	175.588.476.741	100.368.732.263
Chi phí thuê	48.293.003.861	59.621.848.458
Chi phí bao bì luân chuyển	28.644.839.527	35.569.778.124
Chi phí khấu hao và phân bổ	22.813.074.023	20.034.259.207
Chi phí bán hàng khác	270.283.284.695	153.533.757.990
	2.054.506.322.957	1.715.260.500.409

40. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	289.569.882.920	264.738.548.285
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.194.036.033	86.474.998.734
Chi phí thuê	44.800.640.503	59.728.992.893
Chi phí khấu hao và phân bổ	19.803.808.313	18.565.422.304
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	53.294.991.769	57.067.049.352
	491.663.359.538	486.575.011.568

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

41. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất,		
chi phí hàng hóa đã bán và chi phí dịch vụ đã cung cấp	7.161.566.051.920	7.177.489.166.814
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.025.709.893.700	1.631.394.781.867
Chi phí nhân công và nhân viên	944.822.609.845	963.632.252.906
Chi phí khấu hao và phân bổ	319.709.618.384	353.312.508.933
Chi phí khác	371.232.700.728	370.940.164.403

42. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	575.441.911.968	432.878.740.256
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	5.502.269.483	27.403.336
	580.944.181.451	432.906.143.592
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	15.068.769.274	100.492.377.294
Chi phí thuế thu nhập	596.012.950.725	533.398.520.886

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.084.780.254.339	2.583.710.046.964
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	616.956.050.868	516.742.009.393
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với một công ty con	(4.860.914.444)	(4.474.008.251)
Ưu đãi thuế	(2.066.640.607)	(1.879.559.573)
Thu nhập được miễn thuế	(11.776.731.868)	(17.519.750.623)
Chi phí không được khấu trừ thuế	23.565.208.542	46.502.278.998
Thay đổi trong thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	(308.806.693)	(6.125.156.714)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(32.156.320.969)	-
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	5.502.269.483	27.403.336
Các khoản khác	1.158.836.413	125.304.320
	596.012.950.725	533.398.520.886

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế, ngoại trừ Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng.

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 59221000029 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 3 tháng 4 năm 2012, Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% lợi nhuận chịu thuế trong 15 năm đầu kể từ năm hoạt động đầu tiên (2014) và áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập thông thường trong các năm tiếp theo. Đồng thời, công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026).



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

43. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025 dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		(Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	2.351.620.298.864	2.000.610.053.979
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(83.211.068.210)	(64.630.361.156)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	2.268.409.230.654	1.935.979.692.823

Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được ước tính dựa vào số kế hoạch được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được điều chỉnh lại theo số thực trích theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu trong các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trong hai kỳ báo cáo là 1.282.562.372 cổ phiếu.

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		
	30/6/2026	30/6/2025	30/6/2025
	VND	VND	VND
		(Điều chỉnh lại)	(Theo báo cáo trước đây)
		(*)	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.769	1.509	1.508

(*) Việc điều chỉnh lại phản ánh ảnh hưởng của việc điều chỉnh số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi như đề cập ở trên.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

44. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Công ty mẹ cấp trung gian		
BeerCo Limited		
Chi hộ Tập đoàn	13.651.683.268	12.323.089.956
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Vietnam Beverage		
Cổ tức công bố	2.061.855.522.000	2.061.855.522.000
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre		
Bán nguyên vật liệu	189.201.777.517	194.091.982.039
Doanh thu khác	1.641.794.623	345.404.000
Mua hàng hóa	412.795.007.460	463.579.364.100
Chi phí thuê kho	-	810.191.880
Giao dịch khác	1.164.381.963	37.225.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long		
Bán nguyên vật liệu	125.676.326.209	127.687.973.326
Doanh thu khác	730.000.000	2.040.988.500
Mua hàng hóa	277.560.436.920	318.731.910.400
Chi phí thuê kho	44.640.000	37.036.303
Thu nhập từ cổ tức	-	1.500.000.000
Giao dịch khác	141.089.254	32.361.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa		
Bán nguyên vật liệu	118.844.819.168	132.771.967.195
Doanh thu khác	87.806.265	181.446.013
Mua hàng hóa	320.751.750.990	330.812.697.400
Chi phí thuê kho	923.902.616	364.059.875
Giao dịch khác	352.250.056	48.111.570

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung		
Bán nguyên vật liệu	110.687.281.382	122.649.766.004
Doanh thu khác	1.534.368.702	2.268.933.058
Mua hàng hóa	336.008.415.000	384.351.323.310
Mua vật liệu bao bì	-	109.474.000
Chi phí thuê kho	453.184.300	390.316.611
Thu nhập từ cổ tức	9.617.363.000	89.904.000
Giao dịch khác	52.850.676	58.355.960
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ		
Bán nguyên vật liệu	72.620.746.830	62.803.640.832
Doanh thu khác	149.968.781	87.938.421
Mua hàng hóa	212.061.480.000	201.986.548.000
Chi phí thuê kho	601.306.469	163.783.564
Thu nhập từ cổ tức	3.378.750.000	4.231.800.000
Giao dịch khác	14.929.052	-
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô		
Bán nguyên vật liệu	70.230.248.698	90.616.371.782
Bán thành phẩm	76.104.600	114.556.720
Doanh thu khác	2.595.783.845	3.018.401.685
Mua hàng hóa	198.765.395.160	243.720.786.200
Chi phí thuê kho	355.978.158	301.579.485
Thu nhập từ cổ tức	1.440.750.000	-
Giao dịch khác	519.536.966	2.175.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu		
Bán nguyên vật liệu	19.272.788.314	18.629.678.646
Doanh thu khác	356.581	165.688.797
Mua hàng hóa	99.351.370.910	103.617.604.770
Chi phí thuê kho	859.654.036	738.307.009
Giao dịch khác	202.039.765	1.696.440
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh		
Bán thành phẩm	13.387.912	15.360.003
Mua dịch vụ	4.638.312.736	4.283.392.725
Giao dịch khác	421.296	975.000.000
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	1.259.664.050.100	488.561.588.744
Thu nhập từ cổ tức	-	233.719.329.060
Giao dịch khác	625.475.486	267.845.458

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	276.513.136.261	274.365.460.739
Chi phí thuê kho	-	210.000.000
Giao dịch khác	48.318.181	5.000.000
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ		
Mua vật liệu bao bì	25.424.102.600	23.786.195.000
Thu nhập cổ tức	17.164.232.240	-
Giao dịch khác	23.144.271	-
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam		
Mua vật liệu bao bì	8.404.093.632	8.909.491.184
Thu nhập cổ tức	19.543.500.000	-
Giao dịch khác	97.238.106	2.544.804.880
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)		
Bán thành phẩm	600.849.455.237	266.640.660.151
Mua hàng hóa	3.264.779.048	4.506.242.019
Chi phí quảng cáo	22.068.882.030	-
Giao dịch khác	16.095.448	6.094.027.147
S.A.S. CTAMAD Co., Ltd		
Bán thành phẩm	164.254.000	151.598.080
Chi hộ Tập đoàn	179.233.845	65.545.200
Giao dịch khác	54.306.000	14.490.000
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam		
Bán thành phẩm	-	95.966.800
Doanh thu khác	-	356.197.321
Mua vật liệu bao bì	709.329.589.739	954.212.456.171
Giao dịch khác	189.037.577	-
Thipchalothorn Co., Ltd		
Bán thành phẩm	135.072.000	34.087.500
Giao dịch khác	8.615.808	6.804.000
Công ty TNHH Việt Nam Logistics and Supply Chain		
Doanh thu khác	1.446.900.817	-



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chang International Co., Ltd		
Mua dịch vụ	83.610.948	-
Chi hộ Tập đoàn	424.862.640	579.822.304
Sustainability Expo Co., Ltd		
Giao dịch khác	-	852.897.000
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Koh Poh Tiong – Chủ tịch	-	-
Ông Pramoad Phornprapha	462.000.000	448.000.000
Ông Nguyễn Tiến Vy	630.000.000	616.000.000
Ông Michael Chye Hin Fah	-	598.000.000
Bà Trần Kim Nga	624.000.000	574.000.000
Bà Ngô Minh Châu	588.000.000	574.000.000
Bà Nguyễn Thanh Hương	204.000.000	-
Ông Lê Thanh Tuấn	510.000.000	682.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	19.124.882.465	18.086.871.996
Ủy ban Kiểm toán		
<i>Thù lao</i>	378.000.000	546.000.000

45. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	50.320.553.612	47.427.464.766

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

46. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Tập đoàn áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 và Thông tư 43. Theo đó, một số thông tin so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với các yêu cầu của Thông tư 99 và Thông tư 43 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

	Mã số	1/1/2026 (đã phân loại lại) VND	1/1/2026 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	123	15.354.783.101.257	14.985.488.933.982
Phải thu ngắn hạn khác	135	375.085.846.729	746.761.878.936
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	265	1.975.881.864.932	1.973.500.000.000
Phải trả cổ tức	313	2.611.687.360.408	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	943.716.569.683	3.555.403.930.091

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập:



Hoàng Thanh Vân
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng



Johnathan Ooi Siew Loke
Phó Tổng Giám đốc



Tan Teck Chuan Lester
Tổng Giám đốc kiêm
Người Đại diện theo
Pháp luật

